

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2018.

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Lệ Thi
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982, trú tại ấp Đặng Văn Do, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang tạm trú tại ấp S, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Hoài M, sinh năm 1981, trú tại ấp 5 B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang tạm trú tại ấp S, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Lý Hoài M (sau đây gọi tắt là Chị B, Anh M) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 19/11/2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh M hay ghen tuông, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Chị B yêu cầu ly hôn với Anh M.

Về con chung: Chị B và Anh M không có con chung.

Về chia tài sản chung: Chị B và Anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lý Hoài M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M thống nhất theo lời trình bày của Chị B. Tại phiên hòa giải ngày 17/8/2018 Anh M đồng ý ly hôn với Chị B.

Về con chung: Anh M và Chị B không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: 01 sổ hộ khẩu; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô) và đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc).

Bị đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lý Hoài M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2018 do bận công việc nên không thể tham dự phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Anh M.

[2]. Về hôn nhân: Chị B và Anh M được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 19/11/2011. Tại phiên hòa giải ngày 17/8/2018 Chị B và Anh M thuận tình ly hôn nhưng do không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý Chị B và Anh M không phải là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ

vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lý Hoài M theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị B và Anh M không có con chung.

[4]. Về chia tài sản chung: Chị B và Anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004216 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 khoản 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lý Hoài M.

2. Về con chung: Chị B và Anh M không có con chung.

3. Về chia tài sản chung: Chị B và Anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004216 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND H. U Minh Thượng;
- Chi cục THA Dân sự H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh